TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 152 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 4 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 229/2020/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Trọng H, sinh năm 1991

Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**
   Nguyên đơn: Anh Phạm Trọng H, sinh năm 1991
   Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1993

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trọng H và chị Đỗ Thị N.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Phạm Trọng H1, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Phạm Thị Hà A, sinh ngày 20/10/2017. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao

cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề đóng góp nuôi con chung hai bên không yêu cầu.

- *Về tài sản và phần nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh H nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004102 ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho anh H 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy